

Số: ~~1623~~/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Phê, huyện Krông Pắc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND, ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 159/TTr-SNN ngày 21/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Phê, huyện Krông Pắc với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Phê, huyện Krông Pắc.

2. Loại, cấp công trình: Hạ tầng kỹ thuật (công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn), cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

4. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Nhà thầu lập Báo cáo khảo sát xây dựng: Công ty TNHH xây dựng và phát triển An Dũng.

6. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH xây dựng và phát triển An Dũng.

7. Chủ nhiệm công trình: Kỹ sư Trần Văn Dũng.

8. Mục tiêu, giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng bổ sung biện pháp công trình để tăng thêm nguồn nước phục vụ cho nhà máy cấp nước xã Ea Phê bảo đảm công suất thiết kế; đồng thời cải tạo một số hạng mục trạm bơm cấp 2 nhằm thuận lợi trong quản lý vận hành và nâng cao hiệu quả làm việc của trạm bơm.

8.2. Giải pháp thiết kế:

- Xây dựng mới giếng đào thu nước tầng nông

+ Đào giếng mới đường kính D1800mm, sâu 16m; gia cố bảo vệ thành giếng bằng ống buy bê tông cốt thép mác 250 đường kính D1500mm, chiều dài mỗi ống buy 1m, trên thành ống buy bố trí các lỗ D21 khoảng cách trung bình giữa các lỗ 30cm để thu nước mạch. Khoan ngang giếng ở độ sâu 10-15m, đường kính khoan ngang D49, luồn ống PVC D42 có xẻ rãnh thu nước, tổng chiều dài khoan ngang 5 vị trí (bình quân 01 vị trí khoan ngang dài 100m).

+ Lắp đặt máy bơm chìm điện 3 pha thông số kỹ thuật: Cột nước bơm $H=24\text{m}$, lưu lượng bơm $Q=18\text{m}^3/\text{h}$, công suất bơm $N=5,5\text{Kw}/7,5\text{HP}/380\text{V}$; nối máy bơm với ống PVC D60; lắp đặt tủ điện loại tự động chống cạn; dây điện từ đồng hồ điện 3 pha đến tủ điện sử dụng dây dẫn $3 \times 8\text{mm}^2$, dài $L=45\text{m}$ từ giếng đến tủ điện tại nhà vận hành.

+ Xây dựng mới hộp đồng hồ bảo vệ giếng, kích thước (1x1)m cao 1,2m, bằng gạch xi măng cốt liệu $8 \times 8 \times 18$, có nắp bảo vệ bằng thép tấm và thép hình; lắp đặt cụm đồng hồ đo lưu lượng D60 và các phụ kiện khác.

+ Xây dựng hàng rào cao 1,5m xung quanh khuôn viên giếng, kích thước khuôn viên (3x3)m, trụ bằng thép ống không rỉ D100, khung thép hình lưới B40 cao 1,5m bảo vệ khu vực giếng và trạm bơm. Sân nền đắp đất đầm kỹ, bê tông mặt nền đá 1x2 mác 200 dày 5cm, bê tông lót đá 4x6 VXM mác 100 dày 10cm.

- Cải tạo trạm bơm cấp 2

+ Phá dỡ nền nhà, tháo dỡ bệ bơm, đào mặt nền hạ bệ bơm xuống thấp hơn bệ bơm hiện hữu 1,0m.

+ Biện pháp cấp nước tạm thời trong quá trình thi công: Sử dụng 02 máy bơm trục ngang, lắp đặt máy bơm tại bể nước sạch hút bơm trực tiếp vào đường ống cấp nước D250 hiện hữu.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **668.356.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng chẵn). Trong đó:

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| - Chi phí xây dựng | : 527.994.000 đồng |
| - Chi phí thiết bị | : 49.600.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án | : 15.958.000 đồng |

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 52.472.000 đồng
- Chi phí khác : 22.332.000 đồng

(Có bảng tổng hợp dự toán chi tiết kèm theo)

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh).

Điều 2. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo người quyết định đầu tư xem xét giải quyết.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Krông Pắc; Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT, NN&MT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg-10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà



PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình : Sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Phê, huyện Krông Pắc

Địa điểm xây dựng: Xã Ea Phê, huyện Krông Pắc

(Kèm theo Quyết định số **1623** /QĐ-UBND ngày **17/6/2019** của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Căn cứ	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd					479.994.958	47.999.496	527.994.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb					45.090.909	4.509.091	49.600.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	2,7630%		QĐ số 79/QĐ-BXD	2,763% x Gxd + Gtb	14.508.122	1.450.812	15.958.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv					47.702.000	4.770.000	52.472.000
1	Lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật :	Gtv1	5,8 %	1,15	QĐ số 79/QĐ-BXD	5,8% x Gxd + Gtb	35.023.227	3.502.323	38.525.550
2	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	Gtv2	2,566 %		QĐ số 79/QĐ-BXD	2,566% x Gxd	12.316.671	1.231.667	13.548.338
3	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtv3	0,803 %		QĐ số 79/QĐ-BXD	0,803% x Gtb	362.080	36.208	398.288
V	CHI PHÍ KHÁC	Gk				Gxd	20.892.000	1.440.000	22.332.000
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk1	0,95 %		TT số 64/2018/TT-BTC	0,95% x TMDT	6.365.000		6.365.000
2	Phí thẩm định BCKTKT	Gk2	0,019 %			0,019% x TMDT	127.300		127.300
3	Chi phí hạng mục chung :	Gk3					14.399.849	1.439.985	15.839.834
*	Xây dựng nhà tạm để ở & điều hành thi công		1, %		TT số 06/2016/TT-BXD	1% x Gxd	4.799.950	479.995	5.279.945
*	Công việc không xác định được từ TK		2, %		TT số 06/2016/TT-BXD	2% x Gxd	9.599.899	959.990	10.559.889
	TỔNG CỘNG (làm tròn)								668.356.000